

**B. ANSWER KEY**

**Question 1.**

- run /rʌn/ (v): chạy
- stand /stænd/ (v): đứng
- sleep /sli:p/ (v): ngủ
- spray /spreɪ/ (v): phun

❖ Quy tắc phát âm đuôi “s, es”:

- TH1: Nếu các từ tận cùng bằng các âm /s/, /z/, /ʃ/, /tʃ/, /ʒ/, /dʒ/ (thường tận cùng bằng các chữ cái: - s, - ss, - ch, - sh, - x, - z (- ze), - o, - ge, - ce) thì phát âm là /ɪz/

**E.g:** changes /tʃeɪndʒɪz/; practices /'præktɪsɪz/

- TH2: Nếu các từ tận cùng bằng các phụ âm vô thanh /ð/, /p/, /k/, /f/, /t/ thì phát âm là /s/

**E.g:** cooks /kʊks/; stops /stɒp/

- TH3: Nếu từ tận cùng bằng các nguyên âm và các phụ âm hữu thanh còn lại thì phát âm là /z/

**E.g:** plays /pleɪz /; stands /stændz/ ....

⇒ **Đáp án C (“s” được phát âm là /s/; các từ còn lại là /z/)**

**Question 2.**

- enjoy /ɪn'dʒɔɪ/ (v): thích
- walk /wɔ:k/ (v): đi bộ
- watch /wɒtʃ/ (v): xem
- practice /'præktɪs/ (v): luyện tập

❖ Quy tắc phát âm đuôi “ed”:

- TH1: phát âm là /ɪd/: Khi động từ có tận cùng là phụ âm /t/ hoặc /d/

**E.g:** wanted / wɒntɪd /; needed / ni:did /

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**

**Hotline: 0902196677**

- TH2: phát âm là /t/: Khi động từ tận cùng bằng phụ âm vô thanh /p/, /f/, /k/, /s/, /t/, /tʃ/

**E.g:** stopped / stɒpt /; laughed / lɑ:ft /; cooked / kʊkt /; watched / wɒtʃt /

- TH3: phát âm là /d/: Khi động từ tận cùng là các nguyên âm và các phụ âm còn lại

**E.g:** played / pleid /; opened / əʊpənd /

⇒ **Đáp án A** (“ed” được phát âm là /d/; các từ còn lại là /t/)

**Question 3.**

-occasion /ə'keɪʒn/ (n): dịp, cơ hội

-collection /kə'leɪʃən/ (n): sự thu thập, sưu tầm

-opinion /ə'pɪnjən/ (n): ý kiến, quan điểm

-pagoda /pə'gəʊdə/ (n): chùa

⇒ **Đáp án D** (“o” được phát âm là /əʊ/; các từ còn lại là /ə/)

**Question 4.**

-earthquake /'ɜ:θkweɪk/ (n): động đất

-ethnic /'eθnɪk/ (adj): (thuộc) dân tộc, tộc người

-weather /'weðər/ (n): thời tiết

-health /helθ/ (n): sức khỏe

⇒ **Đáp án C** (“th” được phát âm là /ð/; các từ còn lại là /θ/)

**Question 5.**

- to be fond of: thích

**E.g:** He is very fond of dogs.

**Dịch:** Susan rất thích chỉ bảo người khác làm gì.

⇒ **Đáp án A**

**Question 6.**

- where: thay thế cho từ/ cụm từ nơi chốn trong mệnh đề quan hệ.

- when: thay thế cho từ/ cụm từ chỉ thời gian trong mệnh đề quan hệ.

**Fanpage :** <https://www.facebook.com/luventhiamax>

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**

**Hotline: 0902196677**

-who: thay thế cho chủ ngữ chỉ người trong mệnh đề quan hệ.

-that: thay thế cho who, whom, which trong mệnh đề quan hệ xác định.

Ở đây, ta cần đại từ quan hệ *which* hoặc *that* để thay thế cho danh từ *things* phía trước, làm chức năng tân ngữ.

**Dịch:** Một số nhà văn có thể mô tả chính xác những điều mà họ chưa bao giờ nhìn thấy.

⇒ **Đáp án B**

**Question 7.**

-run (v): chạy, vận hành

-take (v): cầm, lấy

-hold (v): tổ chức

-do (v): làm

**Dịch:** Một cuộc họp sẽ được tổ chức để thảo luận vấn đề.

⇒ **Đáp án C**

**Question 8.**

Ông Smith đang ăn trưa tại một nhà hàng.

Mr. Smith: Anh làm ơn mang cho tôi ít nước được không?

A. Không, tôi không.

B. Tôi không đợi.

C. Dĩ nhiên rồi, thưa ngài.

D. Không, cảm ơn.

⇒ **Đáp án C**

**Question 9.**

-look at: nhìn vào

-look after: chăm sóc

-look up: tra (từ)

-look over: xem xét, kiểm tra

**Fanpage :** <https://www.facebook.com/luenthiamax>

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

**Dịch:** Ai sẽ trông bạn trẻ khi bạn đi vắng?

⇒ **Đáp án B**

**Question 10.**

Cấu trúc:

- Adj + enough + to V(inf): đủ ... để làm gì

**Dịch:** Họ chưa đủ tuổi để tham gia quân sự.

⇒ **Đáp án A**

**Question 11.**

Jane mời Mary đi xem phim.

Jane: Cuối tuần này cậu có muốn đi xem phim với tớ không?

Để đáp lại lời mời *would you like...?* thì ta sẽ trả lời lịch sự là: *Yes, I'd love to.*

⇒ **Đáp án A**

**Question 12.**

- though: mặc dù

- so: cho nên, vì thế

-if:nếu

- unless: nếu ...không, trừ phi

**Dịch:** Những cây này sẽ không mọc nếu không có đủ ánh nắng mặt trời.

⇒ **Đáp án D**

**Question 13.**

- worried /'w ʌr.id/ + about: lo lắng

**E.g:** They are worried about their son.

**Dịch:** Tôi thực sự rất lo lắng cho em trai tôi vì tôi qua cậu ấy đã không về nhà.

⇒ **Đáp án D**

**Question 14.**

Much/ far có thể dùng trong so sánh hơn để nhấn mạnh.

Cấu trúc: much/ far + short adj - er /more long adj + than

**Fanpage :** <https://www.facebook.com/luventhiamax>

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**

**Hotline: 0902196677**

-hard (adj/adv): chăm chỉ, vất vả

**Dịch:** John làm việc vất vả hơn chúng tôi nhiều.

⇒ **Đáp án C**

**Question 15.**

Khi nói vào ngày nào trong tháng, ta dùng giới từ “ON”

**E.g:** On the second of September ...

**Dịch:** “Khi nào là sinh nhật của bạn vậy An?” - Vào ngày 31 tháng 7.

⇒ **Đáp án B**

**Question 16.**

Neither và either dùng sau một phát biểu phủ định; còn so và too dùng sau một phát biểu khẳng định.

- Neither/ So + trợ động từ/ to be + S

-Too và either: đứng cuối câu

**E.g:** I want to go to the cinema and so does she. *Hoặc* I want to go to the cinema and she does, too. (Tôi muốn đi xem phim và cô ấy cũng vậy.)

I don't want to go to the cinema and neither does she. *Hoặc* I don't want to go to the cinema and she doesn't, either. (Tôi không muốn đi xem phim và cô ấy cũng vậy.)

Do đó, B, C, D sai ngữ pháp

**Dịch:** Mẹ tôi không thích cà phê và tôi cũng vậy.

⇒ **Đáp án A**

**Question 17.**

Mệnh đề trước ở thể khẳng định của thì hiện tại hoàn thành => phần hỏi đuôi ở thể phủ định của thì hiện tại hoàn thành

**Dịch:** Bạn đã đọc bài báo thú vị này trên trang web phải không?

⇒ **Đáp án D (have you => haven't you)**

**Question 18.**

**Fanpage :** <https://www.facebook.com/luventhiamax>

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

Chủ ngữ là *Jeans cloth* nên ta phải chia động từ *make* ở dạng bị động. Hơn nữa, trong câu có mốc thời gian *in the eighteenth century* nên ta dùng thì quá khứ đơn.

**Dịch:** Vải jeans được sản xuất hoàn toàn từ bông vào thế kỉ 18.

⇒ **Đáp án A (made => was made)**

**Question 19.**

- enjoy + V-ing: thích làm gì

Hai động từ *listen* và *dance* được nối với nhau bởi liên từ *and* nên ta phải chia cùng dạng, (câu trúc song song)

**Dịch:** Chị tôi thích nghe nhạc và nhảy với bạn bè.

⇒ **Đáp án D (dance => dancing)**

**Question 20.**

Cấu trúc: S + asked + (O) + WH-+ S + V-lùi thì...

**Dịch:** Người mẹ đã hỏi con trai xem cậu ấy muốn quà gì cho sinh nhật.

⇒ **Đáp án C (did he want => he wanted)**

**Question 21.**

Cấu trúc: spend time doing sth (dành/ mất bao nhiêu thời gian làm gì)

**Dịch:** Mỗi ngày cô ấy dành 2 tiếng làm việc bán thời gian ở siêu thị gần nhà.

⇒ **Đáp án: working**

**Question 22.**

Ở đây, ta chia động từ *walk* ở thì quá khứ tiếp diễn để diễn tả hành động đang xảy ra có hành động khác xen vào trong quá khứ. (hành động “come” xen vào)

**Dịch:** Khi tôi đến thì họ đang nói chuyện vui vẻ về bộ phim tôi qua.

⇒ **Đáp án: were talking**

**Question 23.**

Trong câu có *since* nên ta chia động từ *see* ở thì hiện tại hoàn thành:

HTHT + since + QKĐ

**Fanpage : <https://www.facebook.com/luventhiamax>**

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

**Dịch:** Bạn đã gặp Jenifer từ lúc cô ấy đi Pháp chưa?

⇒ **Đáp án: Have you seen**

**Question 24.**

Cấu trúc: used to + V(bare-inf): đã từng làm gì (thói quen trong quá khứ)

Take sb to sth: dẫn/ đưa ai tới đâu

**E.g:** A boy took us to our room.

Trong câu này, ta phải chia động từ ở dạng bị động mới phù hợp nghĩa.

**Dịch:** Cô ấy từng được mẹ đưa đi học.

⇒ **Đáp án: be taken**

**Question 25.**

-week (n): tuần

- weekly (adj): hàng tuần

Trước danh từ *newspaper*, từ cần điền vào phải là một tính từ.

**Dịch:** Tờ báo mà được xuất bản hàng tuần được gọi là báo hàng tuần.

⇒ **Đáp án: weekly**

**Question 26.**

-type (v): đánh máy

-typist /'taɪpɪst/ (n): người đánh máy

Ở đây, từ cần điền vào là một danh từ.

**Dịch:** Anh ấy đã làm việc đánh máy được 20 năm rồi

⇒ **Đáp án: typist**

**Question 27.**

- succeed /sək'si:d/ (v): thành công

- successful /sək'si:dfəl/ (adj): thành công

Sau động từ “to be” là một tính từ.

**Dịch:** Cuộc phẫu thuật đã thành công và cô ấy đã khỏe hơn.

⇒ **Đáp án: successful**

**Fanpage :** <https://www.facebook.com/luventhiamax>

**Question 28.**

- appear (v): xuất hiện
- disappear (v): biến mất

**Dịch:** Bệnh đau bụng của tôi đã khỏi sau khi tôi uống thuốc.

⇒ **Đáp án: disappeared**

**Question 29.**

- ready to do sth: sẵn sàng làm gì

“Today they are ready to make the beach a clean and beautiful place again.”

(Hôm nay họ sẵn sàng để làm cho bãi biển thành một nơi sạch đẹp trở lại.)

⇒ **Đáp án C**

**Question 30.**

- divide sth into sth: tách/ chia

“After listening to Mr. Brown’s instructions, they are divided into three groups.” (Sau khi nghe hướng dẫn của ông Brown thì họ đã được chia thành 3 nhóm.)

⇒ **Đáp án B**

**Question 31.**

- collected: được thu thập, được thu lượm, tập hợp lại
- chosen: được lựa chọn
- selected: được lựa chọn, chọn lọc
- elected: được chọn, được bầu

“Garbage must be put into plastic bags, and they will be collected by Mr. Jones.” (Rác thải được bỏ vào các túi nhựa và sẽ được ông Jones tập hợp lại.)

⇒ **Đáp án A**

**Question 32.**

- spoil (v): làm hư, làm hỏng, làm hại



**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**

**Hotline: 0902196677**

-spoiled: bị hỏng, bị hư hại

“They are all eager to work hard so as to refresh this spoiled area” (Tất cả họ rất háo hức

làm việc chăm chỉ để làm sạch lại khu vực bị hư hại này.)

⇒ **Đáp án D**

**Question 33.**

Dẫn chứng: *Long ago a lot of people thought the moon was a god* (Cách đây rất lâu, nhiều người nghĩ rằng mặt trăng là một vị thần)

⇒ **Đáp án: Yes, they did.**

**Question 34.**

Dẫn chứng: “On July 20<sup>th</sup>, 1969, that dream came true. Two American men landed on the moon,” (Vào ngày 20 tháng 7 năm 1969, giấc mơ đó đã thành hiện thực. Hai người đàn ông đã đặt chân lên mặt trăng.)

⇒ **Đáp án: Two American men/ They landed on the moon on July 20<sup>th</sup>, 1969. / On July 20<sup>th</sup>, 1969.**

**Question 35.**

Dẫn chứng: The two men walked on the moon for two hours.

⇒ **Đáp án: They/ The two men walked on the moon for two hours. / For two hours.**

**Question 36.**

Dẫn chứng: “They picked up rocks to bring back to the earth for study.” (Họ nhặt đá mang trở về trái đất để nghiên cứu.)

⇒ **Đáp án: They picked up rocks to bring back to the earth for study.**

**Question 37.**

She asked me if/ *whether I would be free the next day/ the day after/ the following day.*

Câu trúc: S + asked (+O) + IF/ WHETHER + S + V lùi thì ... (yes/no questions)

**Fanpage :** <https://www.facebook.com/luenthiamax>

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**

**Hotline: 0902196677**

Trong câu này, lời nói trực tiếp ở thì tương lai đơn => lời nói gián tiếp là  
“would + V (bare-inf)

**Question 38.**

*A new bridge has just been built in this area (by them).*

Cấu trúc:

-Chủ động: S + have/ has + PP + O

-Bị động: S(O) + have/ has + been + PP + {by (O)}

**Question 39.**

*I haven't seen Peter since he attended the school meeting.*

Cấu trúc:

- S + last + V2/ed + ...=>S + have/ has + not + PP + ...

**Dịch:** Lần cuối cùng tôi gặp Peter là khi anh ấy tham dự cuộc gặp mặt ở trường.

=> Tôi đã không gặp Peter từ lúc anh ấy tham dự cuộc gặp mặt ở trường.

**Question 40.**

*The boy was so tired that he couldn't keep on walking.*

Cấu trúc:

- Too + adj + to V (quá... đến nỗi không thể làm gì)

- S + V + so + adj/ adv + that + mệnh đề (quá... đến nỗi mà...)

Mệnh đề trước ở thì quá khứ đơn nên phía sau ta sử dụng “could”.

**Dịch:** Cậu bé quá mệt đến nỗi mà không thể tiếp tục đi bộ được.